

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 3 – 2021

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hữu Thọ.

Ông Nguyễn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Tô Thị O, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị O chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống đến tháng 6/2013 thì xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên đã sống ly thân cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể hàn gắn chung sống trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, các đương sự có 02 người con chung, gồm: Nguyễn Hoài A, sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22/12/2011, do anh L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung, gồm: 01 thửa đất tại khóm 3, phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau, diện tích 116m² và 01 thửa đất tại ấp Tân Phú, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, diện tích 653m². Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao phần đất ở phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau cho hai con được hưởng và phần đất ở xã Tân Trung cho chị O được hưởng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị O chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn; chung sống đến tháng 6/2013 xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Do vậy, các đương sự đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...*”. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn:

Đối với Nguyễn Hoài A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Hoàng Th: Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Th nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị O.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 22/12/2011 cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị Ô có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011961 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (anh L đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn